

**NGHIÊN CỨU BỔ SUNG DỮ LIỆU TRONG CHI DÂY KÝ NINH - *TINOSPORA* Miers.
(HỌ TIẾT DÊ - MENISPERMACEAE Juss.) Ở VIỆT NAM**

VŨ TIÊN CHÍNH

Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật

XIA NIANHE

Vườn Thực vật Nam Trung Hoa, Trung Quốc

Họ Tiết dê nằm trong bộ Ranunculales, theo hệ thống của Kessler (1993) thì họ này có chứa các đặc điểm tiến hoá cao của bộ. Trong họ Menispermaceae có chứa các loài đặc hữu và là họ có giá trị rất lớn về dược liệu, gần như tất cả các loài của họ này có chứa các hoạt chất alkaloidal quan trọng.

Trên thế giới họ Tiết dê (Menispermaceae) có khoảng 73 chi và 350 loài, phân bố chủ yếu ở các vùng nhiệt đới Châu Á và Châu Phi [2]. Ngày nay chi *Tinospora* Miers. (Menispermaceae Juss.) được biết đến 32 loài, 7 loài thuộc vùng nhiệt đới và Châu Phi, 2 loài có ở Madagascar và 23 loài thuộc Châu Á đến Châu Úc và các đảo thuộc biển Thái Bình Dương [2]. Trung Quốc có 6 loài [5], Lào có 4 loài, Thái Lan có 4 loài [2]. Ở Việt Nam, theo nghiên cứu của Phạm Hoàng Hộ (1999) [8] (Thực vật Việt Nam) có ghi nhận 6 loài. Năm 2003 trong Danh lục các loài thực vật Việt Nam Nguyễn Tiến Bân ghi nhận 5 loài. Tuy nhiên trong tất cả các tài liệu nghiên cứu từ trước đến nay ở Việt Nam chưa có một công trình nào nghiên cứu đầy đủ và có hệ thống về chi này. Trong bài báo này chúng tôi giới thiệu đầy đủ các loài có trong chi *Tinospora* ở Việt Nam như: khóa định loại các loài trong chi, danh pháp, mô tả tóm tắt các đặc điểm quan trọng nhận biết của từng loài, mẫu chuẩn Type, sinh học, sinh thái, phân bố và giá trị sử dụng, bảo tồn, một số nhận xét.

Theo Phạm Hoàng Hộ chi này có 6 loài. Tuy nhiên đến nay danh pháp của một số loài đã thay đổi như loài *T. cordifolia* (Willd.) Hook. f. & Thoms. và *T. crispa* (L.) Hook. f. & Thoms. nay đã trở thành Synonym (tên đồng nghĩa) của loài *T. cordifolia* (Willd.) Miers. và *T. crispa* (L.) Miers. Hơn nữa Phạm Hoàng Hộ còn mô tả loài Kim ngư dưới tên khoa học *T. glabra* (Burm. f.) Miers., loài *T. glabra* (Burm. f.) Miers. được mô tả cũng không chỉ rõ địa danh tìm thấy ở Việt Nam [8]. Trong quá trình nghiên cứu của chúng tôi từ các tài liệu của họ Tiết dê và các mẫu trong các phòng tiêu bản trong và ngoài nước, các mẫu ngoài tự nhiên thì loài này không thấy có và đề cập đến có ở Việt Nam nên chúng tôi không đưa loài này vào khóa phân loại.

I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đối tượng nghiên cứu là các loài thu được ngoài tự nhiên cùng với các tiêu bản đang được cất giữ tại các phòng tiêu bản trong và ngoài nước của các viện nghiên cứu và các trường đại học.

Phương pháp hình thái so sánh chủ yếu sử dụng để phân loại chi *Tinospora* Miers ở Việt Nam

II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Tinospora Miers. - Dây ký ninh, Dây thần thông, Dây đau xương.

Miers. Ann. Mag. Nat. Hist. ser. (2): 7: 35. 1851; Hook. f. & Thoms. Fl. Brit. India, 1: 99. 1872; Gagnep. in Lecomte, Fl. Gen. Indoch. 1: 130. 1908; Gagnep. Suppl. Fl. Gen. Indoch. 1: 124. 1938; Backer, Fl. Java. 1: 157. 1963; Forman, Kew. Bull. 36(2): 239. 1981; S. H. Yuan, Fl. Yunnan 3: 229. 1983; L. L. Forman, Fl. Thailand, 5(3): 359. 1991; Pham Illustr. Fl. Vietnam,

1(1): 407. 1991; S. K. Li, C. F. Liang, 1991. Fl. Guangxi 1: 333; Kessler P. J. A. Fam. Gen. Vac. Pl. 2: 402. 1993; L. L. Forman, Fl. Cylon, 9: 317. 1994; L. Y. Wu et al. Fl. Reipubl. Pop. Sin. 30(1): 19. 1996; Phamh. Illustr. Fl. Vietnam, 1: 339. 1999; Fulikuo et al. High. Fl. China, 3: 6630. 2000; N. T. Ban, Checkl. Pl. Sp. Viet. 2: 150. 2003. **Typus:** *Tinospora cordifolia* (Willd.) Miers, 1851. Ann. Mag. Nat. Hist. 2(37): 38.

Cây leo, thân mảnh - thân to, đường kính từ 0,6 - 4 cm; thân cây có lớp vẩy khô và bì khổng, có màu nâu nhạt, hay vàng nhạt, thân non có lông, hay không lông, nhánh non có màu xanh đậm. Lá hình tim- hình mác, có lông hay không có lông, cuống lá dài từ 2 - 13 cm, đôi khi có hai tuyến ở lá; cuống lá phồng to ở hai đầu, gốc lá hình tim hay có hai tai lớn; gân gốc 3 - 7 cặp, xếp vòng cung hay chân vịt, gân phụ 2 - 3 cặp; mép lá nguyên. Cụm hoa chùm đơn hay chùm kép, thường mọc từ 1 - 3 cụm hoa đơn trên thân già, cuống lá rất hiếm khi mọc ở nách lá. Các chùm hoa đơn vị có 3 - 5 hoa rời. Hoa đơn tính khác gốc. Hoa đực; đài gồm 6 lá đài rời xếp thành 2 vòng, vòng ngoài nhỏ hơn vòng trong; tràng 6 cánh hoa hiếm khi 3 cánh hoa, hoa màu trắng hay nâu vàng. Bộ nhị gồm 6 nhị, chỉ nhị rời nhau. Hoa cái; đài giống ở hoa đực; không có cánh hoa; nhị gồm 6 nhị lép. Bầu gồm 3 noãn, vòi nhụy ngắn, to. Quả chín thành chùm có màu vàng đỏ, mỗi chùm đơn vị quả có 2 - 3 quả, đường kính 0,4 - 0,7 mm, gần tròn- tròn, nhẵn; vỏ quả trong có các mấu nổi lên thành các mấu; hạt có phôi như nhũ nhều.

Khóa định loại các loài trong chi (*Tinospora* Miers.) hiện biết ở Việt Nam

- 1A. Lá và thân non có lông.....1. *T. sinesis*
- 1B. Lá và thân non không lông.
 - 2A. Thân già có nhiều bì khổng lớn.
 - 3A. Thân có bì khổng xếp không theo hàng. Tràng 3. Đài hình trứng ngược....2. *T. cripa*
 - 3B. Thân có bì khổng xếp đè nhau theo hàng. Tràng 6. Đài hình bầu dục.....3. *T. cordifolia*
 - 2B. Thân già không có bì khổng không rõ.
 - 4A. Lá hình ô van hoặc hình tim, gốc lá hình tim sâu, gân lá hình tim, cuống lá nằm trong phiến lá, gốc lá có tuyến.....4. *T. baenzigeri*
 - 4B. Lá có hình mũi tên, hình mác, gốc lá có hai tai nhọn, gân lá hình tam giác, cuống lá không nằm trong phiến lá, gốc lá không có tuyến5. *T. sagittata*

1. *Tinospora baenzigeri* Forman.- Dây ký ninh.

Forman, Kew. Bull. 36(2): 399. 1981; L. L. Forman, Fl. Thailand, 5(3): 364. 1991; Phamh. Illustr. Fl. Vietnam, 1(1): 131, fig. 1326. 1991; N. T. Ban, Checkl. Pl. Sp. Viet. 2: 150. 2003. **Type:** Thailand, Surat thaini, Ta kanawn, Kerr 12345 (Holotypus K!; Isotypus BM)

Thân leo 4-6 m, thân có bì khổng không rõ, không lông. Lá hình ô van- tim, gân chính 5-7 gân hình vòng cung không lông; cuống lá mọc trong phiến lá, lá thường có tuyến ở trong lá phần giáp gốc lá. Tràng 6 cánh hoa. Quả có màu vàng, cuống quả dài 5-7 mm, có nội quả, vỏ quả trong rất cứng 7-9 x 5-6 mm hình elip ở phần bụng hạt lớn, trên lưng hạt có nhiều mấu nổi lên.

Sinh học và sinh thái : Mùa ra hoa quả tháng 4-6. Thường mọc ven đường đi, nơi ẩm, có nhiều ánh sáng trên núi đá, núi đất, ở độ cao 400-500 m.

Phân bố: Nam Bộ, Tây Ninh, Châu Đốc. Còn có ở Thái Lan.

2. *Tinospora cordifolia* (Willd.) Miers.- Dây thần thông.

Miers. Ann. Mag. Nat. Hist. ser. 2(7): 38. 1851; Hook. f. & Thoms. Fl. Brit. Ind. 1: 96- 97. 1872; Gagnep. in Lecomte, Fl. Gen. Indoch. 1: 132. 1908; L. L. Forman, Kew Bull. 36(2): 403. fig. 4. 1981; Phamh. Illustr. Fl. Vietnam, 1(1): 407, fig. 1142. 1991; L. L. Forman, Fl. Cylon, 9: 319. 1999; Phamh. Illustr. Fl. Vietnam, 1: 339. 1994; N. T. Ban, Checkl. Pl. Sp. Vietn. 2: 150. *Menispermum cordifolium* Willd. Sp. Pl. ed. 4. 4: 826. 1806. - *Tinospora cordifolia* (Willd.) Hook. f. & Thoms. 1855. Fl. India, 1: 18. 1855. - *Tinospora crispa* (L.) Hook. f. Thoms. var. *nitidiuscula* Miers in Ann. Mag. Nat. Hist. III, 13, 320. 1984, Contrib. Bot. 3: 35. 1871. **Type:** India, *Klien s.n.* (Syntype B- Herb. Willd. microfiche, 18484/1); *Roxburgh s.n.* (Syntype B- Herb. Willd. microfiches 18484/ 2-3).

Dây leo lá rụng theo mùa, thân có vỏ tróc màu nâu đỏ, khi tróc thân nhẵn có màu nâu, thân có bì khồng xếp thành hàng đều nhau, thân không lông. Lá hình tim, không lông, gân chính 5 hình vòng cung. Cụm hoa chùm mọc ở thân già không lá. Hoa đực nhỏ; đài 3 lá đài xếp đều nhau, vòng ngoài hình elip; tràng 6 cánh hoa. Nhị 6 tiểu nhị. Hoa cái đài và tràng giống ở hoa đực; nhị 6 tiểu nhị lép. Noãn 2-3 lá noãn. Quả nhân cứng.

Sinh học và sinh thái: Mọc rải rác ở trong rừng, ở nơi có độ sáng cao. Mùa ra hoa quả vào tháng 11- 12 hàng năm.

Phân bố: An Giang (Châu Đốc), Cần Thơ, Hậu Giang. Còn có ở Ấn Độ, Trung Quốc, Lào, đảo Cylon.

Công dụng: Thường dùng làm thu ốc bở, vị đắng, chữa sốt, chữa viêm họng, đầy hơi, bế kinh, kinh nguyệt không đều, còn dùng trị thấp khớp, đái đường. Ở Ấn Độ, người ta dùng dây chữa sốt rét có chu kỳ, dùng giải nhiệt do sốt; bột rễ và thân chế thuốc bổ dưỡng dùng trị ỉa chảy và lị mãn tính [3]. Dây tán thành bột rồi dùng làm thuốc giải khát, kích dục. Dịch lá tươi có tác dụng lợi tiểu, được dùng để trị bệnh lậu.

3. *Tinospora crispa* (L.) Miers. - Dây ký ninh.

Miers. Ann. & Mag. Nat. Hist. ser. 2(7) 38. 1851; Hook. f. & Thoms. Fl. Ind. 1: 38. 1855; Hook. f. & Thoms. Fl. Brit. Ind. 1: 96. 1872; Gagnep. in Lecomte, Fl. Gen. Indoch. 1: 132. 1908; Gagnep. Suppl. Fl. Gen. Indoch. 1: 132. 1938; Backer, Fl. Java. 1: 157. 1963; L. L. Forman, Kew Bull. 36(2): 394, fig. 4. 1981; S. H. Yuan, Fl. Yunnan, 3: 231. 1983; Wu Cheng-Yih et al. Index Fl. Yunnan, 1: 157. 1984; L. L. Forman, Fl. Thailand, 5(3): 36. 1991; S. K. Li, C. F. Liang, Fl. Guangxi 1: 333, fig. 140(1-5). 1991; Phamh. Illustr. Fl. Vietnam, 1(1): 407, fig. 1142. 1991; L. L. Forman, Fl. Cylon, 9: 317. 1994; L. Y. Wu et al., Fl. Reipubl. Pop. Sin. 30(1): 20. fig. 5(1-5). 1996; Phamh. Illustr. Fl. Vietnam, 1: 339. 1999; Fulikuo et al. High. Fl. China, 3: 604, fig. 9634. 2000; N. T. Ban, Checkl. Pl. Sp. Vietnam 2: 150. 2003; Luo Xianrui et al. Fl. China, 7: 7. 2008. - *Menispermum crispum* L. Sp. Fl. ed. 2: 1468. 1763. - *Tinospora crispa* (L.) Hook. f. & Thoms. Fl. India, 1: 38. 1855. **Type:** Java, *Funis felleus*, *Rumph.* 1747. Herb. Amboin. 5: t. 44, fig. 1.

Thân leo to, cao đến 15-20 m, không lông có nhiều nốt sần xếp không đều cuống lá dài 5-15 cm. Lá gốc lá có tai tròn, hình tim, không lông, gân chính 5, gân phụ nổi rõ hình mạng lưới. Cụm hoa mọc trên thân già không lá, cụm hoa chùm dài 15 - 25 cm. Hoa đực đài 6 lá đài xếp thành 2 vòng, vòng ngoài 3 gân tròn, vòng trong 3 hình trứng ngược; tràng 3 cánh hoa; 6 tiểu nhị, dài 2 mm. Hoa cái đài và tràng giống ở hoa đực; nhị 6 nhị lép, dài 0,9 mm; noãn 2 - 3 lá noãn. Quả hình elip

Sinh học và sinh thái: Mọc rải rác ở trong rừng, ven đường đi có nhiều ánh sáng. Mùa ra hoa từ tháng 1- 4 có quả từ tháng 4- 5 hàng năm.

Phân bố: Đồng Nai (Trảng Bom), Vũng Tàu (Bà Rịa-Vũng Tàu). Cũng có ở Ấn Độ, Trung Quốc, Lào, Campuchia, Thái Lan, đảo Cylon.

Công dụng: Thường dùng trị cảm sốt, phát ban, chữa ho, chữa mụn nhọt. Dùng ngoài hay sắc lấy nước, rửa mụn nhọt lở loét. Lá nghiền nát dùng đắp các vết thương và đắp trị ngứa. ở Ấn Độ, người ta dùng chữa yếu nhược toàn thân [3].

4. *Tinospora sagittata* (Oliv.) Gagnep. - Củ gió.

Gagnep. Bull. Soc. Bot. France, 55: 45. 1908; Gagnep. in Lecomte, Fl. Gen. Indoch. 1: 133. 1908; Backer, Fl. Java, 1: 157. 1963; L. L. Forman, Kew Bull. 36(2): 383. fig. 1. 1981; Wu Cheng-Yih et al. Index, Fl. Yunnan, 1: 157. 1984; S. K. Li, C. F. Liang, Fl. Guangxi, 1: 334. 1991; Phamh. Illustr. Fl. Vietnam, 1(1): 407, fig. 11434. 1991; L. L. Forman, Fl. Ceylon, 9: 317. 1994; L. Y. Wu et al. Fl. Reipubl. Pop. Sin. 30(1): 23. 1996; Phamh. Illustr. Fl. Vietnam, 1: 339. 1999; Fulikuo et al. High. Fl. China, 3: 605, fig. 965. 2000; N. T. Ban, Checkl. Pl. Sp. Viet. 2: 150. 2003; Luo Xianrui et al. Fl. China, 7: 7. 2008. - *Limacia sagittata* Oliv. Hook. Icon. 1794. 1888. - *Tinospora capillipes* Gagnep. 1908. Bull. Soc. Bot. France, 55: 44. **Type:** Hery 3431 Oct. 1887. (Holotype K!).

Dây leo, rễ có dạng củ, thân mảnh, không lông. Lá gần hình tam giác, phiến lá hình tam giác hay thon đều hình mũi tên, gốc lá có hai tai lớn có khi hình đuôi kích, gân chính 3-5, cuống lá không nằm trong phiến lá. Hoa đực, đài 6 lá đài xếp thành 2 vòng, vòng ngoài gần tròn, không lông; 6 cánh hoa, không lông; nhị 6 dài 2 mm. Hoa cái đài và tràng giống hoa đực; nhị lép 6, dài 0,5 mm; noãn 3. Quả 6-8 mm.

Sinh học và sinh thái: Mọc rải rác ở trong rừng thưa ở nơi có độ sáng cao. Mùa ra hoa 1-12, quả tháng 4-6.

Phân bố: Mọc hoang ở trong rừng các tỉnh rừng núi phía Bắc như: Lào Cai, Yên Bái, Lạng Sơn, Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Hà Nội (Ba Vì). Còn có ở Trung Quốc, Lào, đảo Cylon.

Công dụng: Thường dùng trị độc; trị giun độc, rắn độc cắn, chó dại cắn, trị phong đòn kinh giảm. Dùng ngoài, mài với dấm đắp đỉnh nhọt sưng tấy, yết hầu tràng nhạc, viêm họng cấp, viêm hạch hạt [3]; viêm dạ dày, đau dạ dày, trị lỵ khủ trùng; quai bị, viêm ruột thừa; nhọt và viêm mủ da, lao hạch, đờn ngứa tởn thương. Theo Hải Thượng Lãn Ông, dùng rễ Củ gió (Thanh ngư đằm) nhai nuốt hoặc giã lấy nước cốt uống, chữa các loại ngộ độc và chống các bệnh truyền nhiễm.

Bảo tồn: Loài *Tinospora sagittata* (Oliv.) Gagnep. có trong Sách Đỏ Việt Nam, 2007[2]. Loài này đang bị khai thác rất nhiều để làm thuốc.

Ghi chú: Theo Phạm Hoàng Hộ, 1999 loài *Tinospora capillipes* Gagnep. là *synonym* của 2 loài *Tinospora glabra* (Burm.f.) Merr. và *Tinospora sagittata* (Oliv.) Gagnep.. Tuy nhiên theo nghiên cứu của chúng tôi thì loài *Tinospora capillipes* Gagnep. mẫu Holotype mang số hiệu 1469 trong bộ sưu tập của B. Balansa thu tại Đồng Đăng, Lạng Sơn, Việt Nam ngày 22 tháng 4 năm 1886 đang được lưu giữ tại Bảo tàng lịch sử Paris (P!) và Isotype đang được lưu giữ tại Vườn thực vật Hoàng gia Anh, Luân Đôn (K!) thì loài *Tinospora capillipes* Gagnep. đúng là *synonym* của loài *Tinospora sagittata* (Oliv.) Gagnep., loài này được Gagnep. công bố lại năm 1908 dựa trên loài trong chi *Limacia sagittata* Oliv. có mẫu Holotype trong bộ sưu tập của Henry 3431 thu tháng 10 năm 1987 đang cất giữ tại bảo tàng (K!). Theo chúng tôi điều tra nghiên cứu gần đây thì loài Củ gió hiếm gặp trong tự nhiên.

5. *Tinospora sinensis* (Lour.) Merr. - Dây đau xương.

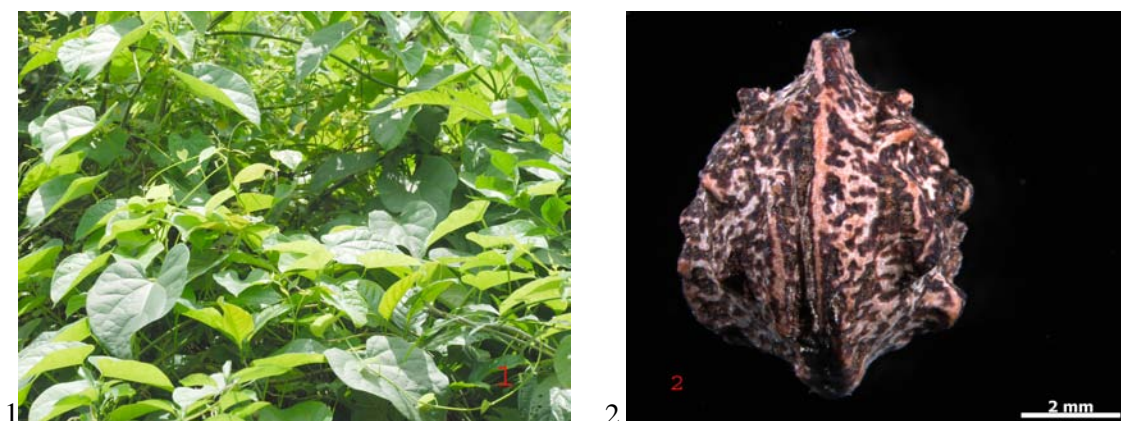
Merr. in Sunyatsenia, 1: 193. 1934; L. L. Forman, Kew Bull. 36(2): 386, fig. 1. 1981; S. H. Yuan, Fl. Yunnan, 3: 231. 1983; Wu Cheng-Yih et al. Index, Fl. Yunnan, 1: 157. 1984; L. L. Forman, Fl. Thailand, 5(3): 361. 1991; S. K. Li, C. F. Liang, Fl. Guangxi, 1: 334. 1991; Phamh. Illustr. Fl. Vietnam, 1(1): 407, fig. 1142. 1991; L. L. Forman, Fl. Ceylon, 9: 317. 1994; L. Y. Wu et al., Fl. Reipubl. Pop. Sin. 30(1): 20. 1996; Phamh. Illustr. Fl. Vietnam, 1: 339. 1999; Fulikuo et al., High. Fl. China, 3: 604, fig. 963. 2000; N. T. Ban, Checkl. Pl. Sp. Viet. 2: 150. 2003; Luo Xianrui et al. Fl. China, 7: 7. 2008. - *Campylus sinensis* Lour. Fl. Cochinch. 113. 1790. - *Cucculus tomentosus* Colebr. In Trans. Linn. Soc. 13: 59: 1982. **Type:** China, (Holotype P. K! Photo).

Dây leo, thân có nhiều lông, thân màu xanh đậm, có nhựa mù vàng. Lá hình tim, mặt trên và dưới có nhiều lông, gốc lá có hai tai tròn hình tim, gân vòng cung đều. Cụm hoa thường mọc ở nách lá. Hoa đực: đài 6 lá đài; tràng 3 cánh hoa; nhị 6. Hoa cái dài và trắng giống ở hoa đực; nhị lép 6, dài 2 mm; noãn 3, lá noãn hình elip, dài 1mm. Quả nhân cứng to 7 - 11 x 6 mm; vỏ quả trong cứng, hình elip, có kích thước 5 - 8 mm.

Sinh học và sinh thái: Mọc rải rác ở trong rừng hỗn hợp, rừng rụng lá. Phân bố ở độ cao từ 300- 900 m. Mùa ra hoa từ tháng 2 - 3, có quả tháng 4 - 6 hàng năm.

Phân bố: Quảng Ninh, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Hà Nội, Thái Bình, Ninh Bình (Chợ Ghềnh, Cúc Phương). Còn có ở Ấn Độ, Nepal, Trung Quốc, Lào, Campuchia, Thái Lan, đảo Ceylon.

Công dụng: Thường dùng chữa sốt, phong thấp, chứng đau nhức gân cốt, đau dây thần kinh hông, đẹn ngứa tởn thương và để bồi bổ sức khỏe. Lá tươi cũng dùng đắp chỗ đau nhức ở trong gân cốt và trị rắn cắn [9].



Hình 1: *Tinospora sinensis* (Lour.) Merr.

1. Dạng sống; 2. Vỏ quả trong;

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ KH & CN, Viện KH & CNVN, 2007: Sách đỏ Việt Nam, NXB. KHTN & CN, Hà Nội, 2: 223- 289- 300, 381.
2. Forman L.L., 1979: Kew Bullentin. London, 29(2): 375- 417.
3. Gagnepain F., 1908: Flore générale de l'Indo- Chine, Paris. (3): 124-153.

4. **Kessler, P.J.A.**, 1993: The Families and Genera of Vascular Plants, Germany, 2: 402- 418.
5. **Luo Xianrui, Hsien-shui, Chen Tao & Michael G. Gilbert**, 2008: Flora of China, Beijing: Science Press & St. Loui: Missouri Boitanical Garden Press, 7: 1- 31.
6. **Miers J.**, 1851: A few remarks on the Ann. Mag. Nat. Hist. II, 7: 33- 45.
7. **Nguyễn Tiến Bản (chủ biên)**, 2003: Danh lục các loài thực vật Việt Nam, NXB. Nông nghiệp, Hà Nội, 2: 140-151.
8. **Phạm Hoàng Hộ**, 1999: Cây cỏ Việt Nam, NXB. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.1: 339-340.
9. **Võ Văn Chi**, 2003: Từ điển thực vật thông dụng. NXB. KH & KT, Hà Nội.

**ADDITIONAL KNOWLEDGE OF THE GENUS *TINOSPORA* Miers.
(MENISPERMACEAE Juss.) IN VIETNAM**

VU TIEN CHINH, XIA NIANHE

SUMMARY

The genus *Tinospora* has not been revised for Vietnam. Additional knowledge of the genus of *Tinospora* in Vietnam is urgently needed for the identification, conservation and utilization of the species. We present additions to the knowledge of the genus, including new synonyms, taxonomic transfers for the remaining species and key to the species of *Tinospora* in Vietnam.